TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 515/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 30-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Kim Triều

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Minh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 245/2020/HNST ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3920/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4081/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: 350/16 H, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Lâm Minh H, sinh năm 1953.

Địa chỉ: 28/1 P, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 6 năm 2020; các bản khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; trong quá trình tố tụng, nguyên đơn - bà Lê Thị Kim D trình bày:

Bà và ông Lâm Minh H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, ngày 16/5/1996. Mặc dù có đăng ký kết hôn nhưng vợ chồng chỉ chung sống cùng nhau một thời gian rất ngắn tại địa chỉ 226 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1 (chung sống từ năm

1996 đến tháng 03/1998). Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, suy nghĩ và lối sống mặc dù hai bên đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống. Thực tế bà và ông Hòa đã ly thân hơn 11 năm. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lâm Minh H.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Lâm Minh N (nữ), sinh ngày 12/12/1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện bà Dung đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Trích lục kết hôn số 152/TLKH-BS ngày 01/6/2020 do Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp; bản sao Sổ hộ khẩu, Chứng minh nhân dân; bản sao Giấy khai sinh con chung Lâm Minh N; bản chính Bản cam kết ngày 02/6/2020.

Bị đơn - ông Lâm Minh H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông Hòa vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử…được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim D được ly hôn với ông Lâm Minh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Lê Thị Kim D và ông Lâm Minh H có 01 con chung tên Lâm Minh N (nữ), sinh ngày 12/12/1997. Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Kim D và ông Lâm Minh H không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về pháp luật tố tụng:*

Bà Lê Thị Kim D và ông Lâm Minh H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 do Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 6 năm 2020 nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Dung và ông Hòa là hợp pháp.

Nay bà Dung có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Lâm Minh H. Xét ông Hòa cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật: Tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Lâm Minh H. Tuy nhiên, tại tất cả các buổi làm việc theo giấy triệu tập ông Hòa vắng mặt cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Ông Lâm Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hòa.

[2] *Về pháp luật nội dung*:

- Xét yêu cầu của bà Lê Thị Kim D về việc yêu cầu ly hôn với ông Lâm Minh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo trình bày của nguyên đơn - bà Lê Thị Kim D: Mâu thuẫn giữa vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, tính cách, không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; hai bên không còn chung sống từ tháng 4 năm 1998 đến nay. Từ khi bà Dung nộp đơn khởi kiện, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý

vụ án cho ông Hòa, tiến hành hòa giải nhưng ông Hòa vắng mặt không có lý do, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét cuộc sống chung giữa bà Dung và ông Hòa không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Dung và ông Hòa là trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 1998 đến nay, bà Dung đã chuyển đến địa chỉ 350/6 Huỳnh Tấn Phát, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Dung và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu của bà Lê Thị Kim D về việc ly hôn với ông Lâm Minh H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà Lê Thị Kim D khai, quá trình chung sống giữa bà và ông Lâm Minh H có một con chung tên Lâm Minh N (nữ), sinh ngày 12/12/1997. Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Kim D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Lê Thị Kim D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - Bà Lê Thị Kim D:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim D, sinh ngày 14 tháng 02 năm 1957 được ly hôn với ông Lâm Minh H, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1953 (Giấy chứng nhận kết hôn số 54 do Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 5 năm 1996).

- Về con chung: Có một con chung tên Lâm Minh N (nữ), sinh ngày 12/12/1997. Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Kim D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Kim D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Dung đã nộp theo biên lai số AA/2019/0029274 ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Dung đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- UBND P. Nguyễn Thái Bình, Q1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Hạnh